

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 233/2017/HSST

Ngày 23/10/2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Xuân Đùng và bà Nguyễn Thị Hồng Lâm

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Tp.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột: Bà Trần Thị Hồng Thắm- Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 227/2017/HSST ngày 02/10/2017, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Chu Văn T**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1989; Tại: tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký HKTT: Thôn 4, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Chu Văn H (Đã chết); Con bà: Vi Thị H, sinh năm: 1965, hiện trú tại: Quận T, thành phố H; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền sự: không; Tiền án: 01(Ngày 22/5/2015, bị Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Đắk Nông xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tại Bản án số 27/2015/HSST. Ngày 28/01/2016, chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống. Chưa được xóa án tích)

Nhân thân: Ngày 26/12/2011, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tại Bản án số 51/2011/HSST;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/6/2017 cho đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Hồng N**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1988; Tại: tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn 9, xã H1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Mường; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông: Nguyễn Hồng L (Đã chết); Con bà: Phan Thị P, sinh năm: 1962, nghề nghiệp: Làm nông, hiện trú tại: Thôn 9, xã H1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 12/4/2007, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tại Bản án số 79/2007/HSST. Ngày 21/6/2007, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử y án sơ thẩm;

Ngày 28/7/2009, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, tại Bản án số 264/2009/HSST;

Ngày 26/11/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, tại Bản án số 336/2013/HSST. Ngày 27/02/2015, chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/6/2017 cho đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo Chu Văn T và Nguyễn Hồng N bị Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Chu Văn T và Nguyễn Hồng N là đối tượng nghiện ma túy loại Methamphetamine. Khoảng 12 giờ 00 ngày 15/6/2017, T sử dụng điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu đen, thuê bao số 0917396560 gọi cho N theo số 0943164748 hẹn N đến khu vực siêu thị Co.op Mart trên đường N, thành phố B nói chuyện thì N đồng ý. Khoảng 13 giờ cùng ngày, N đến điểm hẹn gặp T, T hỏi N có biết chỗ nào mua được ma túy đá hay không thì N trả lời là biết. Sau đó, T dùng điện thoại gọi xe taxi rồi cùng N đi đến đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo hướng dẫn của N. Trên đường đi N sử dụng điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh đen, thuê bao số 0943164748 và sim thuê bao số 0944243846 gọi cho người nam thanh niên tên Trần (chưa rõ nhân thân, lai lịch) để hỏi mua ma túy đá thì người này hẹn N đến một quán nước ở số 71 đường T, thành phố B. Khi T và N đến trước số nhà 71 đường T thì gặp T1 đang ngồi ở lề đường. T và N cùng xuống xe nhưng chỉ một mình N lại gặp T1 và hỏi T1 giá tiền một “hộp 5” ma túy đá là bao nhiêu thì Trần trả lời là 4.000.000 đồng. N quay lại nói cho T biết giá tiền mua ma túy thì T đưa cho N số tiền 4.000.000 đồng rồi N đưa số tiền này cho Trần. Sau khi nhận tiền, T1 nói T và N đứng đợi rồi Trần đi về hướng đường N, thành phố B. Khoảng 15 phút sau, khi T và N đang ngồi đợi Trần trên xe taxi thì T1 gọi điện thoại lại cho N yêu cầu N đưa thêm số tiền 200.000 đồng. N nói cho T biết, T đưa thêm cho N số tiền 200.000 đồng rồi bảo xe taxi đi chậm trên đường T. Sau khi đi được một đoạn ngắn, T và N gặp T1 đi ngược lại thì taxi dừng xe. Lúc này, Trần đưa qua cửa sổ xe taxi cho N một gói ma túy đá, còn N đưa lại cho T1 số tiền 200.000 đồng. N đưa gói ma túy đá vừa mua được cho T, T liền cất trong túi quần phía trước bên trái T đang mặc rồi cả hai cùng đi đến quán internet tại số 108, đường M, thành phố B chơi game. Khi T và N vừa xuống xe tại khu vực phía trước số nhà 108, đường M, thành phố B thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ trong túi quần phía trước bên trái T đang mặc một gói nylon màu đen đựng gói nylon trong suốt chứa chất rắn dạng tinh thể (T và N khai nhận là ma túy đá được niêm phong theo quy định của pháp luật).

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu đen, số Imei: 358623049018226 gắn sim thuê bao số 0917396560 và số tiền: 5.000.000 đồng của Chu Văn T; 01(một) điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh đen, số Imei 1: 358893070897000, số Imei 2: 358893070897018 gắn sim thuê bao số 0943164748 và sim thuê bao số 0944243846.

Tại bản Kết luận giám định số 358/GĐMT - PC54 ngày 21/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chất rắn dạng tinh thể trong suốt đựng trong 01 (một) gói nylon trong suốt có khối lượng: 4,9635 gam. Chất gửi giám định có ma túy, loại ma túy là Methamphetamine. Chất Methamphetamine nằm trong danh mục II, STT 67, Nghị định 82 ngày 19/7/2013.

Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng : 4,7822 gam được niêm phong.

Tại bản cáo trạng số: 244/KĐT-HS Ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố các bị cáo Chu Văn T và Nguyễn Hồng N về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo: Chu Văn T và Nguyễn Hồng N phạm tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 3 Điều 7 và Điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Chu Văn T từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù giam.

Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; Khoản 3 Điều 7 và Điểm c Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng N từ 3 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu, sung Công quỹ Nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu đen, số Imei: 358623049018226, sim thuê bao số 0917396560 là tài sản của bị cáo Chu Văn T; 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh đen, số Imei 1: 358893070897000, số Imei 2: 35889307897018 sim thuê bao số 0943164748 và sim thuê bao số 0944243846 là tài sản của bị cáo Nguyễn Hồng N, liên quan đến hành vi phạm tội;

- Tịch thu, tiêu hủy 4,7822 gam còn lại sau giám định, là tang vật của vụ án được niêm phong tại gói số 358/GĐMT - PC54 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk;

- Trả lại cho bị cáo Chu Văn T 5.000.000 đ (Năm triệu đồng) là tài sản của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Chu Văn T và Nguyễn Hồng N, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã ra quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo là phù hợp.

Quá trình điều tra xác định: Nguồn Methamphetamine đã thu giữ của Chu Văn T và Nguyễn Hồng N, cả hai khai mua của đối tượng tên T1 trên đường T, thành phố B. Cơ quan điều tra Công an thành phố B đã tiến hành xác minh nhưng hiện chưa rõ nhân thân lai lịch đối tượng trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tách ra khỏi vụ án tiếp tục tiến hành điều tra, xử lý sau là phù hợp.

Đối với lái xe taxi chở T và N đi mua ma túy, do T và N không xác định được biển số xe nên Cơ quan điều tra không xác minh, làm việc được nên tách ra khỏi vụ án, điều tra xử lý sau là phù hợp.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo Chu Văn T và Nguyễn Hồng N tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người biết sự việc và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận. Do ý thức coi thường pháp luật, vào khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 15/6/2017, tại khu vực trước số nhà 108 M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Đắk Lắk phát hiện, bắt quả tang Chu Văn T và Nguyễn Hồng N có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ trong túi quần phía trước bên trái Chu Văn T đang mặc 01 (một) gói nylon màu đen, bên trong có 01 (một) gói nylon trong suốt chứa chất ma túy loại Methamphetamine, khối lượng là 4,9635 gam.

Tại bản Kết luận giám định số 358/GĐMT - PC54 ngày 21/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chất rắn dạng tinh thể trong suốt đựng trong 01 (một) gói nylon trong suốt có khối lượng: 4,9635 gam. Chất gửi giám định có ma túy, loại ma túy là Methamphetamine. Chất Methamphetamine nằm trong danh mục II, STT 67, Nghị định 82 ngày 19/7/2013.

Như vậy có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Chu Văn T và Nguyễn Hồng N đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

“ 1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.”

Tuy nhiên tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 về áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội trong Bộ luật hình sự năm 2015 thì tội phạm và các hình phạt còn được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015.

Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a,.....;

b,.....;

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam.

Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 khi lượng hình để có lợi cho bị cáo khi quyết định hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước.

Xét tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, không những đã xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các loại dược chất ma túy mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo đủ điều kiện để nhận thức được rằng các loại dược chất ma túy đều thuộc sự độc quyền quản lý của Nhà nước, thông qua các cơ quan chức năng có thẩm quyền và phải tuân theo những trình tự, thủ tục nghiêm ngặt; mọi hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy đều bị trừng trị nghiêm khắc. Người nghiện ma túy là tự tàn phá sức khỏe, làm tổn hại giống nòi và còn là nguyên nhân làm lây truyền các căn bệnh xã hội, trong đó có đại dịch HIV/AIDS đang là vấn nạn của toàn nhân loại. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật nên các bị cáo đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xét thấy bị cáo Chu Văn T là người có 01 tiền án về tội “ Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích mà còn thực hiện hành vi phạm tội mới nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Do đó hình phạt áp dụng cho bị cáo Chu Văn T phải nặng hơn so với bị cáo Nguyễn Hồng N. Đối với bị cáo Nguyễn Hồng N thì bản thân có nhân thân xấu. Do đó đối với các bị cáo phải có hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài, có như vậy mới phát huy tốt tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; riêng bị cáo Nguyễn Hồng N là dân tộc thiểu số (dân tộc Mường) đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình nhằm giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[2] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu, sung Công quỹ Nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu đen, số Imei: 358623049018226, sim thuê bao số 0917396560 là tài sản của bị cáo Chu Văn T; 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh đen, số Imei 1: 358893070897000, số Imei 2: 35889307897018 sim thuê bao số 0943164748 và sim thuê bao số 0944243846 là tài sản của bị cáo Nguyễn Hồng N, liên quan đến hành vi phạm tội;

- Tịch thu, tiêu hủy 4,7822 gam còn lại sau giám định, là tang vật của vụ án được niêm phong tại gói số 358/GĐMT - PC54 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk;

- Trả lại cho bị cáo Chu Văn T 5.000.000 đ (Năm triệu đồng) là tài sản của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

[3] Về án phí: Các bị cáo Chu Văn T và Nguyễn Hồng N mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Tuyên bố: Bị cáo Chu Văn T và bị cáo Nguyễn Hồng N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- *Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; Khoản 3 Điều 7 và Điểm c Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015;*

Xử phạt: Chu Văn T: 04(Bốn) năm tù giam.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 15/6/2017.

- *Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; Khoản 3 Điều 7 và Điểm c Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015;*

Xử phạt: Nguyễn Hồng N: 03(ba) năm 06 (sáu) tháng tù giam.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 15/6/2017.

[2] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu, sung Công quỹ Nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu đen, số Imei: 358623049018226, sim thuê bao số 0917396560 là tài sản của bị cáo Chu Văn T; 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh đen, số Imei 1: 358893070897000, số Imei 2: 35889307897018 sim thuê bao số 0943164748 và sim thuê bao số 0944243846 là tài sản của bị cáo Nguyễn Hồng N, liên quan đến hành vi phạm tội;

- Tịch thu, tiêu hủy 4,7822 gam còn lại sau giám định, là tang vật của vụ án được niêm phong tại gói số 358/GĐMT - PC54 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk;

- Trả lại cho bị cáo Chu Văn T 5.000.000 đ (Năm triệu đồng) là tài sản của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

(*Đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02/10/2017 giữa Công an Tp. Buôn Ma Thuột với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BuônMa Thuột*).

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Chu Văn T và bị cáo Nguyễn Hồng N mỗi người phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh,VKSND TP.BMT ;
- TAND tỉnh,Công an TP.BMT;
- CCTHA DSTP, THA phạt tù(để thi hành) ;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo; Các đương sự;
- Chánh án ;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trần Anh Tuấn

